

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ GIÁO DỤC NĂNG LỰC CẢM XÚC – XÃ HỘI CHO SINH VIÊN TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Nguyễn Thị Thương Thương
Đại học Phenikaa

Email: thuongthi@phenikaa-uni.edu.vn

Tóm tắt: Bài viết phân tích kinh nghiệm triển khai giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội trong giáo dục đại học tại một số quốc gia gồm Hoa Kỳ, Bồ Đào Nha và Trung Quốc. Trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu tổng quan, bài viết xem xét các cách tiếp cận được vận dụng trong từng bối cảnh mỗi quốc gia, bao gồm định hướng xây dựng chương trình, hình thức tổ chức hoạt động và các nội dung nghiên cứu liên quan đến mối liên hệ giữa năng lực cảm xúc – xã hội với sức khỏe tinh thần và kết quả học tập của sinh viên. Từ việc so sánh các bối cảnh triển khai khác nhau, bài viết đưa ra một số gợi ý mở có tính tham khảo cho Việt Nam trong quá trình đổi mới giáo dục đại học.

Từ khóa: Năng lực cảm xúc – xã hội, giáo dục đại học, kinh nghiệm quốc tế, sinh viên.

INTERNATIONAL PERSPECTIVES ON SOCIAL-EMOTIONAL COMPETENCY EDUCATION FOR STUDENTS IN THE CONTEXT OF HIGHER EDUCATION REFORM

Abstract: This paper analyzes international experiences in the implementation of social-emotional competency education in higher education across the United States, Portugal and China. Based on a systematic review of relevant literature, the article examines how different national contexts conceptualize and operationalize social-emotional competencies, including curriculum design orientations, implementation modalities, and research strands addressing the relationships between social-emotional competencies, students' mental health, and academic outcomes. Through a comparative analysis of diverse implementation models, the paper proposes several implications for Vietnam in advancing higher education reform.

Keywords: Social-emotional competency, higher education reform, international perspectives, students.

Nhận bài: 06/01/2026

Phản biện: 07/02/2026

Duyệt đăng: 10/02/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh giáo dục đại học toàn cầu đang chuyển dịch từ mô hình truyền thụ tri thức sang phát triển năng lực toàn diện, năng lực cảm xúc – xã hội (Social and Emotional Competence – SEC) ngày càng được xem là một trụ cột của chất lượng đào tạo và năng lực thích ứng nghề nghiệp. Những biến động của thị trường lao động, áp lực cạnh tranh học thuật, cùng các vấn đề sức khỏe tinh thần gia tăng trong sinh viên đã đặt ra yêu cầu tích hợp các chương trình giáo dục cảm xúc – xã hội (SEL) vào môi trường đại học. Trên thế giới, một số quốc gia đã triển khai giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội theo những cách tiếp cận khác nhau, từ các chương trình hỗ trợ đa tầng đến việc lồng ghép nội dung SEL vào hoạt động dạy học và phát triển đội ngũ giảng viên. Tuy nhiên, cách thức tổ chức và phạm vi triển khai có sự khác biệt đáng kể giữa các bối cảnh văn hóa và môi trường giáo dục. Vì vậy, việc tổng hợp và phân tích kinh nghiệm quốc tế về giáo dục SEC cho sinh viên đại học có ý nghĩa tham khảo trong việc cung cấp cơ sở cho quá trình đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm SEL/SEC trong giáo dục đại học

Trong nghiên cứu giáo dục hiện nay, Social and Emotional Learning (SEL) được hiểu là quá trình giáo dục có chủ đích nhằm hỗ trợ người học phát triển khả năng nhận diện, hiểu và điều chỉnh cảm xúc, thiết lập và duy trì các mối quan hệ tích cực, cũng như đưa ra các quyết định có trách nhiệm (Wang & Ishak, 2025). Social and Emotional Competence (SEC) được sử dụng để chỉ những năng lực cụ thể mà người học đạt được thông qua quá trình đó, bao gồm hệ thống kiến thức, kỹ năng, thái độ và phẩm chất cần thiết để hiểu, thể hiện và quản lý cảm xúc, điều chỉnh hành vi và xây dựng các mối quan hệ xã hội tích cực (Jones & Kahn, 2017; Gandía-Carbonell và cộng sự, 2025). Theo cách tiếp cận này, SEL phản ánh phương diện là quá trình giáo dục, còn SEC thể hiện mức độ phát triển năng lực cảm xúc – xã hội của cá nhân trong bối cảnh học tập và xã hội cụ thể.

Các lý thuyết phát triển con người chỉ ra giai đoạn đại học là một thời kỳ mang tính chuyển tiếp và định hình quan trọng, khi cá nhân phải đối diện đồng thời với yêu cầu học thuật cao hơn, thay đổi

môi trường xã hội và gia tăng trách nhiệm cá nhân (Astin, 1984; Evans và cộng sự, 2009; Conley, 2015). Nhiều nghiên cứu ghi nhận sinh viên đại học phải đối mặt với mức độ căng thẳng và khó khăn trong thích nghi cao, đặc biệt trong năm học đầu tiên (Stallman, 2010). Trong bối cảnh đó, các năng lực cảm xúc – xã hội không chỉ đóng vai trò hỗ trợ điều chỉnh cảm xúc mà còn là nguồn lực giúp sinh viên định hướng mục tiêu, duy trì động cơ học tập và xây dựng các mối quan hệ xã hội có ý nghĩa.

Năm năng lực cốt lõi của SEL gồm: nhận thức bản thân, quản lý bản thân, nhận thức xã hội, kỹ năng thiết lập mối quan hệ và ra quyết định có trách nhiệm (CASEL, 2003, 2012). Các nghiên cứu trong môi trường đại học ghi nhận mối liên hệ giữa những năng lực này với khả năng thích nghi học tập, sức khỏe tinh thần và kết quả học tập của sinh viên (Parker và cộng sự, 2005; Ramos-Sanchez & Nichols, 2007). Ngược lại, hạn chế trong tự quản lý và thiếu hụt hỗ trợ xã hội có thể liên quan đến lo âu, trầm cảm và nguy cơ suy giảm kết quả học tập (Bayram & Bilgel, 2008; Pritchard & Wilson, 2003). Điều này cho thấy SEL không chỉ mang ý nghĩa phát triển cá nhân mà còn có liên quan đến chất lượng trải nghiệm giáo dục đại học.

Việc triển khai SEL trong giáo dục đại học vì vậy có những đặc điểm khác biệt so với bậc phổ thông do đặc trưng phát triển tâm lý của người trưởng thành và môi trường học tập mang tính tự chủ cao. Thay vì tổ chức như một chương trình chính khóa với cấu trúc tương đối thống nhất, thì ở đại học, các hoạt động phát triển năng lực cảm xúc – xã hội thường được triển khai dưới nhiều hình thức đa dạng, gắn với định hướng đào tạo, hoạt động hỗ trợ sinh viên và môi trường học thuật của từng cơ sở giáo dục. Một số nghiên cứu cho thấy trong bối cảnh đại học, SEL thường được tích hợp thông qua các chương trình định hướng sinh viên năm nhất, học phần kỹ năng, hoạt động ngoại khóa hoặc dịch vụ hỗ trợ tâm lý (Cole, 2017; Reinert, 2019). Trong bối cảnh này, SEL/SEC được nhìn nhận như một thành tố hỗ trợ cho đào tạo chuyên môn, góp phần nâng cao khả năng thích nghi, phát triển cá nhân và hiệu quả học tập của sinh viên.

2.2. Kinh nghiệm triển khai SEL/SEC tại một số quốc gia

Việc triển khai giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội trong giáo dục đại học tại các quốc gia khác nhau phản ánh những đặc điểm riêng về truyền thống giáo dục, định hướng đào tạo và bối cảnh văn hóa. Trong đó, SEL/SEC đều được đặt trong mối liên hệ với quá trình phát triển toàn diện của sinh viên và sự thích ứng với môi trường học thuật.

a. Hoa Kỳ

Tại Hoa Kỳ, giáo dục cảm xúc – xã hội (SEL) được quan tâm và triển khai sớm trong hệ thống giáo dục, kể cả ở bậc đại học. Việc thực hiện SEL thường gắn với các chương trình hỗ trợ sinh viên năm nhất, các học phần phát triển kỹ năng và hoạt động cố vấn học tập. Một hướng tiếp cận nổi bật là mô hình hỗ trợ đa tầng do Reinert (2019) đề xuất. Theo đó, tầng thứ nhất tập trung giảng dạy các kỹ năng cảm xúc – xã hội cơ bản như khả năng phục hồi, quản lý căng thẳng, điều tiết cảm xúc và hiệu quả tương tác cho toàn bộ sinh viên năm nhất. Tầng thứ hai dành cho những sinh viên gặp khó khăn ở mức độ cao hơn, thường được triển khai qua trung tâm tư vấn của trường. Tầng thứ ba là hình thức hỗ trợ chuyên sâu hơn, chủ yếu thông qua tư vấn cá nhân hoặc nhóm nhỏ đối với các trường hợp có vấn đề cảm xúc – xã hội nghiêm trọng. Mô hình này cho thấy SEL ở đại học không chỉ dừng ở việc dạy kỹ năng mà còn gắn chặt với hệ thống hỗ trợ tâm lý, từ đó góp phần nâng cao kết quả học tập, khả năng duy trì học tập và sức khỏe tinh thần của sinh viên.

Bên cạnh đó, kinh nghiệm từ Hoa Kỳ còn cho thấy xu hướng kết hợp SEL với dạy học đáp ứng văn hóa. Nghiên cứu của Yeh và cộng sự (2022) chỉ ra rằng các năng lực cốt lõi của SEL như tự nhận thức, tự quản lý, nhận thức xã hội, kỹ năng quan hệ và ra quyết định có trách nhiệm có thể được tích hợp với các nguyên tắc của dạy học đáp ứng văn hóa nhằm hỗ trợ tốt hơn cho sinh viên, đặc biệt là sinh viên quốc tế. Trong cách tiếp cận này, giảng viên và nhân viên không chỉ là người hướng dẫn học thuật mà còn là lực lượng quan trọng trong việc thiết kế nội dung học tập, tổ chức tương tác lớp học và xây dựng quan hệ tin cậy với người học. Kết quả nghiên cứu tại hai cơ sở giáo dục đại học quy mô vừa cho thấy các hoạt động

như nhóm cố vấn nhỏ, chương trình hỗ trợ đồng hành, giao lưu văn hóa ngoài lớp học và bổ sung tài liệu từ nhiều khu vực văn hóa khác nhau vào chương trình giảng dạy đã góp phần tạo nên môi trường học tập tích cực về mặt xã hội và cảm xúc. Nhìn chung, kinh nghiệm của Hoa Kỳ phản ánh cách triển khai SEL khá đa dạng, linh hoạt, gắn với hoạt động định hướng sinh viên, cố vấn học tập, dịch vụ hỗ trợ tâm lý và bồi dưỡng giảng viên, đồng thời được điều chỉnh phù hợp với đặc điểm từng cơ sở đào tạo.

b. Bồ Đào Nha

Tại Bồ Đào Nha, nghiên cứu về năng lực cảm xúc – xã hội trong giáo dục đại học không chỉ dừng lại ở việc làm rõ khái niệm mà còn đặt trong mối liên hệ trực tiếp với tình trạng sức khỏe tinh thần và kết quả học tập của sinh viên. Công cụ SECAB-A(S) do Oliveira và cộng sự (2025) phát triển đã xác lập cấu trúc nhiều thành phần của SEC trong bối cảnh đại học và cho thấy các kỹ năng liên quan đến bản thân và kỹ năng trong các mối quan hệ với mọi người có liên hệ đáng kể với mức độ hài lòng trong cuộc sống cũng như sự gắn kết học tập của sinh viên. Việc kiểm định độ tin cậy và khả năng dự báo của thang đo này không chỉ có ý nghĩa về mặt phương pháp mà còn góp phần cung cấp bằng chứng để xem xét SEC như một yếu tố liên quan đến chất lượng trải nghiệm học tập ở bậc đại học.

Ở phạm vi rộng hơn, nghiên cứu tiếp tục chỉ ra khả năng kiểm soát cảm xúc và xây dựng quan hệ tích cực có liên quan đến mức độ tham gia học tập, sự hài lòng với môi trường học đường và giảm căng thẳng tâm lý (Oliveira và cộng sự, 2025). Mặc dù một số kết quả xuất phát từ bậc phổ thông, xu hướng nhất quán về mối liên hệ giữa kỹ năng cảm xúc – xã hội và trạng thái tinh thần tích cực cho phép gợi mở vai trò của SEC trong giáo dục đại học, nơi người học phải tự chủ nhiều hơn và đối diện với các áp lực học tập, định hướng nghề nghiệp rõ rệt hơn.

Đáng chú ý, việc Bồ Đào Nha tham gia các sáng kiến đánh giá kỹ năng cảm xúc – xã hội ở cấp độ quốc tế, như khảo sát của OECD (2021), cho thấy SEC được nhìn nhận như một nguồn lực giúp người học thích nghi với môi trường học tập và xã hội. Các dữ liệu này nhấn mạnh trong giáo

dục đại học, SEC không chỉ là tập hợp kỹ năng cá nhân mà còn là yếu tố góp phần định hướng cách sinh viên hòa nhập, duy trì động lực và phát triển bền vững trong quá trình học tập.

c. Trung Quốc

Tại Trung Quốc, nghiên cứu về phát triển năng lực cảm xúc – xã hội trong giáo dục đại học những năm gần đây được triển khai theo hướng khá toàn diện. Một hướng nghiên cứu nổi bật nhấn mạnh vai trò của môi trường sư phạm và phong cách lãnh đạo chuyển đổi của giảng viên. Theo các nghiên cứu của Bass và Avolio, Burns, Harms và cộng sự, Hofkens và Pianta, phong cách giảng dạy chuyển đổi có liên quan đến việc tăng cường sự tham gia của người học, cải thiện khả năng điều chỉnh cảm xúc và xây dựng mối quan hệ gắn kết hơn trong môi trường giáo dục. Nghiên cứu của Lin và Wang (2025) trên 659 sinh viên tại nhiều trường đại học Trung Quốc cho thấy phong cách giảng dạy của giảng viên có ảnh hưởng tích cực đến SEC của sinh viên, cả trực tiếp lẫn gián tiếp. Tác động này diễn ra qua hai cơ chế song song là nâng cao chất lượng quan hệ thầy – trò và thúc đẩy mức độ gắn kết học tập, trong đó mối quan hệ thầy – trò giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Đồng thời, mức độ tự tin vào năng lực bản thân của sinh viên cũng có vai trò điều tiết, nghĩa là sinh viên có mức tự tin cao sẽ phản hồi tích cực hơn với phong cách lãnh đạo chuyển đổi của giảng viên.

Các công trình nghiên cứu khác tại Trung Quốc tiếp tục bổ sung bằng chứng về tác động của các chương trình SEL và môi trường học tập. Phân tích việc thực hiện chương trình SEL tại Trung Quốc cho thấy có sự cải thiện đáng kể về kỹ năng điều tiết cảm xúc, hành vi xã hội tích cực và giảm biểu hiện căng thẳng tâm lý. Khảo sát quy mô lớn của Li và cộng sự (2024) với 3.847 sinh viên thuộc 10 cơ sở giáo dục đại học tại Hà Nam chỉ ra rằng năng lực cảm xúc – xã hội có vai trò trung tâm trong cấu trúc quan hệ của sinh viên, dự báo trực tiếp sự phát triển của quan hệ bạn bè, quan hệ thầy – trò và quan hệ gia đình, đồng thời đóng vai trò trung gian giữa vốn quan hệ và chất lượng tương tác văn hóa. Điều đó cho thấy sinh viên có SEC cao không chỉ duy trì được các mối quan hệ bền chặt hơn mà còn biết mở rộng mạng lưới hỗ trợ xã hội theo cách phù hợp với chuẩn mực tương

tác. Trong lĩnh vực học tập ngoại ngữ, nghiên cứu của Zhang và cộng sự (2022) với 493 sinh viên học tiếng Anh như một ngoại ngữ cũng cho thấy SEC và tính kiên trì học tập đều liên hệ tích cực với mức độ tham gia học tập trên các phương diện nhận thức, cảm xúc và hành vi. Như vậy, kinh nghiệm từ Trung Quốc phản ánh một cách tiếp cận tương đối toàn diện, trong đó SEC được đặt trong mối liên hệ với phong cách giảng dạy, quan hệ thầy – trò, các chương trình giáo dục cảm xúc – xã hội, mạng lưới quan hệ và mức độ gắn kết học tập của sinh viên. Các bằng chứng này cho thấy SEC không chỉ hỗ trợ thích ứng xã hội mà còn gắn trực tiếp với động lực, sự bền bỉ học tập và hiệu quả học thuật trong môi trường đại học.

2.3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Tổng hợp kinh nghiệm của các quốc gia cho thấy giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội trong giáo dục đại học không thể triển khai hiệu quả nếu chỉ dừng ở các hoạt động kỹ năng đơn lẻ hoặc các chương trình hỗ trợ mang tính tình huống. Điểm chung nổi bật từ các quốc gia được phân tích là sự chuyên dịch từ cách tiếp cận rời rạc sang tư duy tích hợp, trong đó SEC được đặt trong mối quan hệ với chất lượng môi trường học tập, phong cách giảng dạy, cấu trúc hỗ trợ sinh viên và văn hóa tổ chức nhà trường.

Từ kinh nghiệm Hoa Kỳ, một gợi ý quan trọng đối với Việt Nam là cần nhìn nhận phát triển năng lực cảm xúc – xã hội như một thành tố của hệ thống hỗ trợ sinh viên được tổ chức theo nhiều cấp độ, kết nối giữa hoạt động giảng dạy kỹ năng, cố vấn học tập và dịch vụ tham vấn tâm lý trong nhà trường. Điều này có ý nghĩa trong bối cảnh sinh viên Việt Nam đang phải thích ứng với những thay đổi khi bước vào môi trường đại học, như sự khác biệt giữa phương pháp học tập phổ thông và đại học, yêu cầu tự chủ cao hơn trong quản lý thời gian và học tập, cũng như áp lực duy trì kết quả học tập. Đồng thời, thị trường lao động biến động nhanh, yêu cầu kỹ năng liên ngành và khả năng thích ứng nghề nghiệp khiến sinh viên phải đối diện với sự thiếu chắc chắn trong định hướng tương lai. Trong bối cảnh đó, cách tiếp cận tích hợp theo nhiều cấp độ không chỉ góp phần giảm thiểu nguy cơ căng thẳng tâm lý mà còn tạo cơ chế phát hiện sớm và hỗ trợ kịp thời những sinh

viên gặp khó khăn trong thích nghi học tập và đời sống xã hội.

Từ kinh nghiệm Bồ Đào Nha, một bài học đáng chú ý đối với Việt Nam là sự cần thiết phải xác lập một khung năng lực cảm xúc – xã hội có cấu trúc rõ ràng và phù hợp với bối cảnh văn hóa – giáo dục trong nước. Việc làm rõ các thành tố cấu thành SEC tạo cơ sở cho việc định hướng mục tiêu đào tạo, lựa chọn nội dung tích hợp và xác định kết quả đầu ra liên quan đến phát triển cá nhân và xã hội của sinh viên. Khi SEC được cụ thể hóa thành các nhóm năng lực có thể quan sát và phát triển thông qua hoạt động học tập, việc thiết kế học phần kỹ năng, hoạt động trải nghiệm và công tác cố vấn học tập sẽ có cơ sở lý luận và tính nhất quán cao hơn. Bên cạnh đó, SEC thường được đặt trong mối liên hệ trực tiếp với sức khỏe tinh thần, mức độ hài lòng với môi trường học tập và sự gắn kết học tập của sinh viên. Điều này gợi mở tại Việt Nam, phát triển SEC không nên tách rời khỏi các chiến lược nâng cao chất lượng đời sống tinh thần và trải nghiệm học tập trong nhà trường. Trong bối cảnh giáo dục đại học đang tăng cường các hoạt động bảo đảm chất lượng và kiểm định theo chuẩn khu vực và quốc tế, việc tích hợp SEC vào hệ thống tiêu chí đánh giá có thể giúp phản ánh đầy đủ hơn mức độ phát triển toàn diện của người học, thay vì chỉ tập trung vào chỉ số truyền thống (kết quả học tập, tỷ lệ tốt nghiệp hay chuẩn đầu ra...). Quan trọng hơn hết, một khung năng lực rõ ràng sẽ tạo điều kiện cho quá trình theo dõi, đánh giá và cải tiến liên tục. Khi các thành tố của SEC được xác định minh bạch, các cơ sở đào tạo có thể từng bước xây dựng công cụ tự đánh giá nội bộ, triển khai nghiên cứu thực nghiệm và điều chỉnh chương trình trên cơ sở dữ liệu thực tiễn. Đây là bước đi cần thiết nếu Việt Nam muốn phát triển giáo dục đại học theo hướng vừa đảm bảo chuẩn mực quốc tế, vừa phù hợp với đặc thù văn hóa và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trong nước.

Kinh nghiệm từ Trung Quốc nhấn mạnh phát triển năng lực cảm xúc – xã hội trong giáo dục đại học không chỉ gắn với thiết kế chương trình, mà còn phụ thuộc mạnh mẽ vào chất lượng môi trường sư phạm và tương tác thầy – trò. Các nghiên cứu chỉ ra phong cách giảng dạy mang tính truyền cảm hứng, quan tâm và động viên, khuyến

khích người học tham gia chủ động có liên hệ tích cực với sự gắn kết học tập, đồng thời gián tiếp thúc đẩy sự phát triển SEC thông qua việc nâng cao chất lượng quan hệ giữa giảng viên và sinh viên. Điều này gợi mở một cơ chế quan trọng: SEC không hình thành đơn thuần qua nội dung kỹ năng được giảng dạy, mà được nuôi dưỡng trong quá trình tương tác, phản hồi và trải nghiệm học tập hàng ngày. Trong bối cảnh văn hóa Việt Nam, nơi vai trò của giảng viên vẫn được nhìn nhận như một chủ thể có ảnh hưởng lớn đến định hướng học tập và thái độ của sinh viên, yếu tố quan hệ sư phạm càng có ý nghĩa đặc biệt. Sự tôn trọng, công bằng, lắng nghe và hỗ trợ của giảng viên có thể góp phần hình thành cảm giác an toàn tâm lý trong lớp học, qua đó tạo điều kiện cho sinh viên bộc lộ cảm xúc, chia sẻ khó khăn và phát triển khả năng tự điều chỉnh. Vì vậy, phát triển SEC không thể tách rời khỏi việc xây dựng môi trường học tập tích cực và văn hóa lớp học khuyến khích tương tác hai chiều. Từ góc độ này, bài học đặt ra cho Việt Nam không chỉ là bổ sung học phần kỹ năng hay tổ chức các hoạt động ngoại khóa, mà còn cần nhấn mạnh hơn nữa vai trò của giảng viên như một tác nhân phát triển cảm xúc – xã hội. Việc bồi dưỡng giảng viên về phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm, hỗ trợ công tác cố vấn học tập và khả năng nhận diện – hỗ trợ khó khăn tâm lý của sinh viên trở thành điều kiện nền tảng để SEC được tích hợp một cách thực chất vào quá trình đào tạo.

Ngoài ra, cần hiểu rõ rằng mối liên hệ giữa SEC với khả năng thích ứng trong môi trường học tập số hóa, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề phức tạp. Trong tiến trình chuyển đổi số giáo dục đại học tại Việt Nam, khi hình thức học tập trực tuyến và kết hợp ngày càng phổ biến, nhu cầu về tự quản lý, điều tiết cảm xúc và duy trì động lực học tập trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Điều này đặt ra yêu cầu tích hợp SEC vào các học phần đại cương, kỹ năng nghề nghiệp và hoạt động trải nghiệm sinh viên, thay vì chỉ giới hạn trong các chuyên đề kỹ năng mềm ngắn hạn.

Tuy nhiên, việc tham chiếu kinh nghiệm quốc tế cần được đặt trong sự cân nhắc nghiêm túc về sự khác biệt bối cảnh. Các quốc gia được phân tích có sự khác nhau đáng kể về cấu trúc hệ thống giáo dục đại học, mức độ tự chủ của cơ sở đào

tao, chuẩn mực sư phạm và nguồn lực hỗ trợ sinh viên. Trong điều kiện thực tiễn hiện nay, cách tiếp cận phù hợp có thể là triển khai theo lộ trình từng bước. Trước hết, cần xây dựng khung năng lực cảm xúc – xã hội dựa trên tổng hợp bằng chứng quốc tế nhưng được điều chỉnh theo đặc điểm văn hóa, tâm lý và môi trường học tập của sinh viên Việt Nam. Trên cơ sở đó, việc tích hợp nên được thí điểm trong một số ngành hoặc nhóm học phần có tính chất tương tác cao, nhằm đánh giá tính khả thi và mức độ chấp nhận của người học và giảng viên. Song song với quá trình này, cần tăng cường các nghiên cứu thực nghiệm trong nước để kiểm chứng mối liên hệ giữa SEC với thích ứng học tập, sức khỏe tinh thần và kết quả đào tạo, từ đó tạo nền tảng vững chắc trước khi mở rộng triển khai ở quy mô toàn trường hoặc toàn hệ thống. Cách tiếp cận như vậy không chỉ giúp hạn chế rủi ro, mà còn góp phần bảo đảm giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội được tích hợp một cách thực chất, phù hợp và bền vững trong giáo dục đại học Việt Nam.

III. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh giáo dục đại học đang đổi mới và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, năng lực cảm xúc – xã hội ngày càng được nhìn nhận như một thành tố quan trọng của chất lượng đào tạo và khả năng thích ứng nghề nghiệp của sinh viên. Tổng hợp kinh nghiệm quốc tế cho thấy năng lực cảm xúc – xã hội có mối liên hệ với sức khỏe tinh thần và sự gắn kết học tập của sinh viên, đồng thời chịu ảnh hưởng bởi cách thức tổ chức giảng dạy, chất lượng quan hệ giảng viên – sinh viên và hệ thống hỗ trợ trong nhà trường. Các phân tích cũng chỉ ra không tồn tại một mô hình triển khai chung cho mọi bối cảnh; hiệu quả phụ thuộc vào mức độ các cơ sở đào tạo tích hợp phát triển SEC vào quá trình giáo dục và các hoạt động hỗ trợ sinh viên một cách đồng bộ và phù hợp. Vì vậy, đối với Việt Nam, phát triển giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội cần được đặt trong định hướng đào tạo theo tiếp cận năng lực và lấy người học làm trung tâm. Việc xây dựng khung năng lực phù hợp, tích hợp vào chương trình, bồi dưỡng giảng viên và củng cố môi trường học tập hỗ trợ là những điều kiện then chốt để SEC thực sự góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Astin, A. W. (1984). Student involvement: A developmental theory for higher education. *Journal of College Student Personnel*, 25(4), 297–308.
- Bass, B. M., and Avolio, B. J. (1995). MLQ multifactor leadership questionnaire. Palo Alto, CA: Mind Garden.
- Bayram, N., & Bilgel, N. (2008). The prevalence and socio-demographic correlations of depression, anxiety and stress among a group of university students. *Social Psychiatry and Psychiatric Epidemiology*, 43(8), 667–672.
- Burns, J. M. (2003). *Transforming leadership: A new pursuit of happiness*. New York: Grove Press.
- Collaborative for Academic, Social, and Emotional Learning (CASEL). (2003). *Safe and sound: An educational leader's guide to evidence-based social and emotional learning (SEL) programs*. Chicago: Author.
- Collaborative for Academic, Social, and Emotional Learning (CASEL). (2012). *2013 CASEL guide: Effective social and emotional learning programs—Preschool and elementary school edition*. Chicago: Author.
- Chen, H., and Yu, Y. (2022). The impact of social-emotional learning: A meta-analysis in China. *Front. Psychol.* 13:1040522. doi: 10.3389/fpsyg.2022.1040522.
- Cole, J.S. (2017), “Concluding comments about student transition”, *Higher Education*, pp. 539-551.
- Conley, C. (2015), “SEL in higher education”, *Handbook of Social and Emotional Learning: Research and Practice*, Loyola University, Chicago, IL, pp. 197-212.
- Evans, N. J., Forney, D. S., Guido, F. M., Patton, L. D., & Renn, K. A. (2009). *Student development in college theory, research, and practice*. San Francisco: Wiley.
- Gandia Carbonell N, Molla-Esparza C, Lorente S, Viguer P, Losilla J-M (2025). Strategies to assess and promote the socio-emotional competencies of university students in the socio-educational and healthcare fields: A scoping review. *PLoS One* 20(5): e0324531. <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0324531>
- Harms, P. D., Wood, D., Landay, K., Lester, P. B., and Lester, G. V. (2018). Autocratic leaders and authoritarian followers revisited: A review and agenda for the future. *The Leadership Quarterly* 29, 398–410.
- Hofkens, T. L., and Pianta, R. C. (2022). “Teacher–student relationships, engagement in school, and student outcomes” in *Handbook of research on student engagement* (Cham: Springer International Publishing), 431–449.
- Jones, S. M., & Kahn, J. (2017). The evidence base for how we learn: Supporting students’ social, emotional, and academic development. Consensus statements of evidence from the Council of Distinguished Scientists. National Commission on Social, Emotional, and Academic Development & the Aspen Institute. Retrieved from https://assets.aspeninstitute.org/content/uploads/2017/09/SEAD-Research-Brief9.12_updated-web.pdf
- Li, Xiaoqiong & He, Erlin & Zhao, Xun. (2024). An empirical study of the effects of social-emotional competence on Chinese college students' interpersonal relationship circles from a relational theory perspective. *Learning, Culture and Social Interaction*. 47. 100824. 10.1016/j.lcsi.2024.100824.
- Lin, L. and Wang, C. (2025). The impact of university teachers’ transformational leadership on students’ social-emotional competence: the mediating role of teacher-student relationship and learning engagement with moderated by self-efficacy. *Front. Psychol.* 16:1657492. doi: 10.3389/fpsyg.2025.1657492.
- Parker, J. D. A., Duffy, M. J., Wood, L. M., Bond, B. J., & Hogan, M. J. (2005). Academic achievement and emotional intelligence: Predicting the successful transition from high school to university. *Journal of the First-Year Experience*, 17(1), 67–78.
- Pritchard, M. E., & Wilson, G. S. (2003). Using emotional and social factors to predict student success. *Journal of College Student Development*, 44(1), 18–28.
- Ramos-Sanchez, L., & Nichols, L. (2007). Self-efficacy of first-generation and non-first-generation college students: The relationship with academic performance and college adjustment. *Journal of College Counseling*, 10(1), 6–18.
- Reinert, Paul. (2019). Social-emotional learning: a model for higher education. *Journal of Research in Innovative Teaching & Learning*. 12. 10.1108/JRIT-02-2019-0039.
- Stallman, H. M. (2010). Psychological distress in university students: A comparison with general population data. *Australian Psychologist*, 45(4), 249–257.
- Wang, D., & Ishak, Z. (2025). Unveiling the Implementation of Social- Emotional Learning among College Students: A Systematic Literature Review. *International Journal of Learning, Teaching and Educational Research*. <https://doi.org/10.26803/ijlter.24.5.20>
- Yeh, Ellen & Sharma, Rashmi & Jaiswal-Oliver, Monika & Wan, Guofang. (2022). Culturally Responsive Social Emotional Learning for International Students: Professional Development for Higher Education. *Journal of International Students*. 12. 10.32674/jis.v12i1.2976.
- Zhang C, Mao L, Li N and Gu X (2022). Chinese EFL Students’ Social-Emotional Competence, Grit, and Academic Engagement. *Front. Psychol.* 13:914759. doi: 10.3389/fpsyg.2022.914759.